TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST
Ngày 16-6-2025
V/v tranh chấp về ly hôn và nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Toàn

Bà Phạm Thị Kim Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diệu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2025 về việc ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Kiều L; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố Nam Bình, phường AH, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thôn Hợp Thành, xã Quy Mông, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn T; nơi cư trú: Tổ dân phố Nam Bình, phường AH, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 24-3-2025, được bổ sung bằng lời khai tại Bản tự khai và tại các Biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Kiều L trình bày:

Chị Nguyễn Kiều L và anh Phạm Văn T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AH, huyện An Dương

(nay là phường AH, quận Hồng Bàng), thành phố Hải Phòng từ ngày 27/3/2013. Trong quá trình chung sống, hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và cách sống. Sau đó, do nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, nên hai bên luôn im lặng, không muốn giao tiếp với nhau. Chị Nguyễn Kiều L rất mệt mỏi khi phải sống cùng anh Phạm Văn T. Từ tháng 6/2023, chị L ly thân với anh T, không ai quan tâm đến ai. Do cuộc sống chung giữa vợ chồng luôn căng thẳng, bất hòa với nhau, chị L đã không còn tình cảm với anh T, nên chị Nguyễn Kiều L đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Phạm Văn T theo quy định.

Về con chung: Chị Nguyễn Kiều L và anh Phạm Văn T có 02 con chung là Phạm Ngọc A, sinh ngày 01/12/2013 và Phạm Tú A, sinh ngày 27/6/2020. Chị L rất yêu các con và có mong muốn được nuôi cả 02 con chung. Nhưng hiện nay, công việc của chị L chưa ổn định, các cháu đang ở cùng anh T, có ông bà nội chăm sóc các cháu, anh T cũng nói với chị L có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung, nên chị Nguyễn Kiều L để anh Phạm Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị L sẽ gặp anh T để bàn bạc cụ thể và sẽ có trách nhiệm với các cháu. Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Kiều L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập anh Phạm Văn T đến Tòa án để trình bày ý kiến về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngày 15/4/2025, anh T có đến Tòa án làm việc và trình bày ý kiến, nhưng đã tự ý bỏ về, không ký tên vào biên bản. Tại buổi làm việc này, anh T trình bày: Trong quá trình chung sống, hai bên có phát sinh nhiều mâu thuẫn, nhưng anh T còn rất yêu chị L, nên anh T không đồng ý ly hôn. Hai bên có 02 con chung là Phạm Ngọc A, sinh ngày 01/12/2013 và Phạm Tú A, sinh ngày 27/6/2020. Nếu chị L kiên quyết ly hôn, anh T có nguyện vọng nuôi 02 con chung. Hiện nay, anh T đang làm lao động tự do. Về tài sản chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung, về án phí và các vấn đề khác, anh T không đưa ra ý kiến.

Các lần triệu tập khác, anh Phạm Văn T đều vắng mặt và không có lý do. Vì vậy, vụ án này thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 15/5/2025 của cháu Phạm Ngọc A, sinh ngày 01/12/2013 như sau: Hiện nay, cháu A đang sống cùng bố là anh Phạm Văn T, bà nội là bà Nguyễn Thị H và ông nội là ông Phạm Văn T tại địa chỉ tổ dân phố NB, phường AH, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, nguyện vọng của cháu A là được sống cùng bố là anh Phạm Văn T.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Căn cứ Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự: Việc xác định về thẩm quyền; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; về việc thu thập chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viển kiểm sát; việc cấp tống đạt văn bản tố tụng; Nguyên đơn và Bị đơn vắng mặt tại phiên toà đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên toà, đã thực hiện đúng và đầy đủ theo qui định của Điều 28, Điều 35, Điều 48, Điều 49, Điều 97, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228 và Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là anh Phạm Văn T có nơi cư trú tại Tổ dân phố NB, phường AH, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, nên căn cứ quy định tại Điều 26, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

[2] Nguyên đơn là chị Nguyễn Kiều L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa, đã nộp cho Tòa án Đơn đề nghị về việc giải quyết và xét xử vắng mặt đề ngày 26/5/2025, nên căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn.

[3] Tại phiên tòa, bị đơn, anh Phạm Văn T được triệu tập hợp lệ đến phiên toà lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Về nội dung:

[4] Xét thấy, chị Nguyễn Kiều L và anh Phạm Văn T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã AH, huyện An Dương (nay là phường AH, quận Hồng Bàng), thành phố Hải Phòng nên quan hệ hôn nhân này là hợp pháp. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và

lời trình bày của nguyên đơn, ý kiến của gia đình, thấy rằng quá trình chung sống giữa chị L và anh T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 6/2023 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Như vậy, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chị Nguyễn Kiều L đề nghị ly hôn với anh Phạm Văn T. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho chị Nguyễn Kiều L ly hôn với anh Phạm Văn T là phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Chị Nguyễn Kiều L và anh Phạm Văn T có 02 con chung là Phạm Ngọc A, sinh ngày 01/12/2013 và Phạm Tú A, sinh ngày 27/6/2020. Xét thấy, do công việc của chị L chưa ổn định, các cháu đang ở cùng anh T, có ông bà nội chăm sóc các cháu, anh T cũng nói với chị L có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung, nên chị Nguyễn Kiều L để anh Phạm Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 15/4/2025, anh T có đến Tòa án làm việc và trình bày ý kiến, nhưng đã tự ý bỏ về, không ký tên vào biên bản. Tại buổi làm việc này, anh T có trình bày nguyện vọng được nuôi 02 con chung. Hiện nay, anh T đang làm lao động tự do.

[7] Theo các tài liệu xác minh tại tổ dân phố và Công an phường AH, quận Hồng Bàng thể hiện: Hiện tại 02 con chung đều đang ăn ở, học tập, sinh hoạt cùng bố là anh T.

[8] Thấy rằng, việc giao 02 con chung cho bị đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với ý kiến của nguyên đơn, nguyện vọng của con chung (là cháu Phạm Ngọc A) và đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của con chung về việc chỗ ở, học tập, giáo dục và sinh hoạt. Vì vậy, theo các Mục [5], [6] và [7], chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao 02 con chung là Phạm Ngọc A, sinh ngày 01/12/2013 và Phạm Tú A, sinh ngày 27/6/2020 cho anh Phạm Văn T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[9] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Xét thấy, chị L đề nghị tự thỏa thuận với anh T, anh T cũng không có ý kiến gì về vấn đề này. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Căn cứ quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chị Nguyễn Kiều L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh Phạm Văn T cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Nguyễn Kiều L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp, chị Nguyễn Kiều L lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến

việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Phạm Văn T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[11] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, bị đơn không có ý kiến gì về vấn đề này. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[12] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Nguyễn Kiều L và anh Phạm Văn T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Phạm Ngọc A, sinh ngày 01/12/2013 và Phạm Tú Anh, sinh ngày 27/6/2020 cho anh Phạm Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo qui định của pháp luật. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Kiều L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh Phạm Văn T cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Nguyễn Kiều L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp, chị Nguyễn Kiều L lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Phạm Văn T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị Nguyễn Kiều L.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Kiều L phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002672, ngày 26/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TANDTP. Hải Phòng;
- VKSNDTP. Hải Phòng;
- VKSND. quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS. quận Hồng Bàng;
- UBND phường AH, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29/2013, quyển số 01, ngày 27/3/2013 tại UBND phường AH, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Mạnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Tiến **Đặng Thị Thu Hiền** **Nguyễn Thị Thu Huyền**